



Flashcardo.com

Sperăm că aceste fișe de învățare tipărite îți vor fi utile. Pentru a găsi și mai multe produse cu fișe de învățare, mergi pe site-ul nostru www.flashcardo.com/ro. Pe Flashcardo.com oferim fișe de învățare online, fișe de învățare cu repetiție spațiată, fișe video și multe altele. Toate sunt gratuite și gata de utilizare de către cursanți din întreaga lume.

Drepturi de autor, Note privind licența

Acest PDF este protejat de legea drepturilor de autor și toate drepturile sunt rezervate. Ești liber să distribui acest PDF oricui. Totuși, nu ai voie să vinzi acest PDF sau conținutul său. Dacă ai întrebări, te rugăm să mergi pe www.flashcardo.com/ro pentru a lua legătura cu noi. Mulțumim!

Declinarea răspunderii

ACEASTĂ PDF ESTE FURNIZAT „CA ATARE”, FĂRĂ NICIO GARANȚIE DE NICIUN FEL, EXPRESĂ SAU IMPLICITĂ, INCLUSIV, DAR FĂRĂ A SE LIMITA LA GARANȚIILE DE VANDABILITATE, ADECVARE PENTRU UN ANUMIT SCOP ȘI NEÎNCĂLCARE. ÎN NICIUN CAZ AUTORII SAU DEȚINĂTORII DREPTURILOR DE AUTOR NU VOR FI RĂSPUNZĂTORI PENTRU NICIO PRETENȚIE, DAUNĂ SAU ALTĂ RĂSPUNDERE, FIE ÎNTR-O ACȚIUNE CONTRACTUALĂ, DELICTUALĂ SAU DE ALTĂ NATURĂ, REZULTATĂ DIN, DIN CAUZA SAU ÎN LEGĂTURĂ CU ACEST PDF SAU CU UTILIZAREA SAU ALTE MODALITĂȚI DE FOLOSIRE A ACESTUI PDF.

Drepturi de autor © 2025 Flashcardo.com. Toate drepturile rezervate

Tipărire față-verso

Te rugăm să reții că aceste fișe de învățare sunt concepute pentru a fi tipărite față-verso. Dacă imprimanta ta nu poate tipări față-verso, descarcă fișierele PDF cu fișe individuale pentru tipărire.

eu

tu

el

ea

el/ea

noi

voi

ei/ele

ce

cine

unde

de ce

cum

care

când

apoi

dacă

chiar

dar

deoarece

nu

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

acesta

Am nevoie de asta

Cât costă asta?

acela

tot

sau

și

a ști

Știu

Nu știu

a gândi

a veni

a pune

a lua

a găsi

a asculta

a lucra

a vorbi

a da

a plăcea

a ajuta

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

a iubi

a da un apel telefonic

a aștepta

Îmi place de tine

Nu-mi place asta

Mă iubești?

Te iubesc

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

một

không

Tôi yêu bạn

bốn

ba

hai

bảy

sáu

năm

mười

chín

tám

mười ba

mười hai

mười một

14

15

16

17

18

19

20

nou

vechi

puțini/puține

mulți/multe

cât?

câți?

greșit

corect
general

rău
general

bun
general

fericit

scurt

lung

mic

mười sáu

mười năm

mười bốn

mười chín

mười tám

mười bảy

cũ

mới

hai mươi

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

mare
adjectiv

acolo

aici

dreapta

stânga

frumos

tânăr

bătrân

bună

ne vedem mai târziu

ok

ai grijă de tine

nu-ți face probleme

bineînțeles

bună ziua

salut

pa pa

la revedere

mă scuzați

scuze

mulțumesc

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

te rog

Vreau asta

acum

după-amiază

dimineață

noapte

zori

seară

amiază

miezul nopții

oră

minut

secundă

zi

săptămână

lună

an

timp

dată

alaltăieri

ieri

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

astăzi

mâine

poimâine

luni

marți

miercuri

joi

vineri

sâmbătă

duminică

Mâine este sâmbătă

viață

femeie

bărbat

iubire

iubit

iubită

prieten

sărut

sex

copil

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

bebeluș

fată

băiat

mami

tati

mamă

tată

părinți

fiu

fiică

soră mai mică

frate mai mic

soră mai mare

frate mai mare

a sta

a se așeza

a se întinde

a închide

a deschide
ușă

a pierde

a câștiga
concurență

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

a muri

a trăi

a aprinde

a stinge

a ucide

a răni

a atinge

a privi

a bea

a mânca

a umbla

a întâlni

a paria

a săruta

a urmări

a se căsători

a răspunde

a întreba

întrebare

firmă

afacere

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

kinh doanh

công ty

câu hỏi

meserie

bani

telefon

birou
general

doctor

spital

asistentă medicală

polițist

președinte

alb

negru

roșu

albastru

verde

galben

lent

rapid

amuzant

nedrept

corect
just

dificil

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

simplic

Este dificil

bogat

sărac

puternic

slab
general

sigur

obosit

mândru

plin
aliment

bolnav

sănătos

furios

jos

înalt
general

drept
geometrie

fiecare

mereu

de fapt

din nou

deja

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

mai puțin

cel mai

mai mult

Vreau mai mult

niciunul

foarte

animal

porc

vacă

cal

câine

oaie

maimuță

pisică

urs

găină

rață

fluture

albină

pește
animal

păianjen

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

șarpe

afară

înăuntru

departe

aproape

dedesubt

deasupra

lângă

înainte

înapoi

dulce

acru

ciudat

moale

tare
obiect

drăguț

prost

nebun

ocupat

înalt
corp

scund

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

îngrijorat

surprins

grozav

cuminte

rău
persoană

deștept

rece

fierbinte

cap

nas

păr

gură

ureche

ochi

mână

picioar
pantof

inimă

creier

a trage
ușă

a împinge
ușă

a apăsa

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

a lovi

a prinde

a lupta

a arunca

a alerga

a citi

a scrie

a repara

a număra

a tăia

a vinde

a cumpăra

a plăti

a studia

a visa

a dormi

a se juca

a sărbători

a se odihni

a se bucura

a curăța

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

școală

casă

ușă

soț

soție

nuntă

persoană

mașină

acasă

oraș

număr

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

hai mươi mốt

số

thành phố

ba mươi

hai mươi sáu

hai mươi hai

ba mươi bảy

ba mươi ba

ba mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi mốt

bốn mươi

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

năm mươi mốt

năm mươi

bốn mươi tám

sáu mươi

năm mươi chín

năm mươi lăm

sáu mươi sáu

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi mốt

bảy mươi

tám mươi mốt

tám mươi

bảy mươi bảy

chín mươi

tám mươi tám

tám mươi bốn

chín mươi chín

chín mươi lăm

chín mươi mốt

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

căţelul meu

pisica ta

rochia ei

maşina lui

mingea lui

casa noastră

echipa voastră

firma lor

toţi

împreună

alt

nu contează

noroc

linişteşte-te

Sunt de acord

bine aţi venit

mười nghìn

một nghìn

một trăm

con chó của tôi

một triệu

một trăm nghìn

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

nicio problemă

întoarce la dreapta

întoarce la stânga

mergi tot înainte

Vino cu mine

ou

brânză

lapte

pește
aliment

carne

legumă

fruct

os
aliment

ulei

pâine

zahăr

ciocolată

bomboană

prăjitură

băutură

apă

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

apă minerală

cafea

ceai

bere

vin

salată
mâncare

supă

desert

mic dejun

prânz

cină

pizza

autobuz

tren

gară

stație de autobuz

avion

navă

autocamion

bicicletă

motocicletă

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

taxi

semafor

parcare

șosea

îmbrăcăminte

pantof

palton

pulover

cămașă

jachetă

costum

pantaloni

rochie

tricou

șosetă

sutien

boxeri

ochelari

geantă de mână

poșetă

portofel
mic

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

inel

pălărie

ceas
încheietura mâinii

buzunar

Cum te numești?

Numele meu este David

Am 22 de ani

Ce mai faci?

Ești bine?

Unde este toaleta?

Mi-e dor de tine

primăvară

vară

toamnă

iarnă

ianuarie

februarie

martie

aprilie

mai

iunie

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

iulie

august

septembrie

octombrie

noiembrie

decembrie

cumpărături

bon

piață

supermarket

clădire

apartament

universitate

fermă

biserică

restaurant

bar

sală de fitness

parc

toaletă
general

hartă

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

ambulanță

poliție

pistol

pompieri

țară

suburbie

sat

sănătate

medicină

accident

pacient

operație

pastilă

febră

răceală

rană
sânge

programare

tuse

gât

fund

umăr

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

genunchi

picioar
membru inferior

braț

burtă

sân

spate

dinte

limbă

buză

deget

deget de la picior

stomac

plămân

ficat

nerv

rinichi

intestin

culoare

portocaliu

gri

maro

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

roz

plictisitor

greu

ușor
greutate

singur

înfometat

însetat

trist

abrupt

plat

rotund

pătrat
adjectiv

îngust

lat

adânc

puțin adânc

uriaș

nord

est

sud

vest

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

murdar

curat

plin
general

gol

scump

ieftin

întunecat

luminos

sexy

leneș

curajos

generos

arătos

urât

nătâng

prietenos

vinovat

orb

beat

umed

uscat

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

cald

zgomotos

liniștit

tăcut

bucătărie

baie

sufragerie

dormitor

grădină

garaj

perete

subsol

toaletă

casă

scară

casă

acoperiș

fereastră

cuțit

ceașcă

pahar

sticlă

farfurie

pahar

general

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

coș de gunoi

castron

televizor
dispozitiv

birou
masă

pat

oglină

duș

canapea

fotografie

ceas
general

masă

scaun

piscină
grădină

sonerie

vecin

a eșua

a alege

a împușca

a vota

a cădea

a apăra

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

a ataca

a fura

a arde

a salva
general

a fuma

a zbura

a căra

a scuipa

a şuta

a muşca

a respira

a mirosi

a plânge

a cânta

a zâmbi

a râde

a creşte

a se micşora

a se certa

a ameninţa

a împărţi

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

a hrăni

a ascunde

a avertiza

a înota

a sări

a se rostogoli

a ridica

a săpa

a copia

a livra

a căuta

a practica

a călători

a picta

a face duș

a deschide
seif

a încuia

a spăla

a se ruga

a găti

carte

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

bibliotecă
clădire

temă pentru acasă

examen

lecție

științe

istorie

arte

engleză

franceză

pix

creion

3%

primul

al doilea

al treilea

al patrulea

rezultat

pătrat
substantiv

cerc

arie

cercetare

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

ba phần trăm

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

ngiên cứu

diện tích

hình tròn

grad

licență

masterat

$x < y$

$x > y$

stres

asigurare

personal

departament

salariu

adresă

scrisoare

căpitan

detectiv

pilot

profesor
universitate

profesor
școală

avocat

secretară

asistent

judecător

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

x lớn hơn y

x nhỏ hơn y

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

director

manager

bucătar

șofer de taxi

șofer de autobuz

infractor

model

artist

număr de telefon

semnal

aplicație

chat

fișier

url

adresă de e-mail

website

e-mail

telefon mobil

lege

închisoare

dovadă

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

amendă

martor

tribunal

semnătură

pagubă

profit

client

sumă

card de credit

parolă

bancomat

piscină
competiție

curent electric

cameră foto

radio

cadou

sticlă

sacoșă

cheie

păpușă

înger

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

pieptăn

pastă de dinți

periuță de dinți

șampon

cremă

șervețel

ruj

televizor
general

cinema

știre

loc

bilet

ecran
cinema

muzică

scenă

audiență

pictură

glumă

articol

ziar

revistă

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

publicitate

natură

cenușă

foc

diamant

Luna

Pământ

soare

stea

planetă

univers

coastă
natură

lac

pădure

deșert

deal

piatră

râu

vale

munte

insulă

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

ocean

mare
substantiv

vreme

gheață

zăpadă

vijelie

ploaie

vânt

plantă

copac

iarbă

trandafir

floare

gaz

metal

aur

argint

Argintul este mai ieftin decât
aurul

Aurul este mai scump decât
argintul

vacanță

membru

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

hotel

plajă

oaspete

zi de naștere

Crăciun

An Nou

Paște

unchi

mătușă

bunică
tată

bunic
tată

bunică
mamă

bunic
mamă

moarte

mormânt

divorț

mireasă

mire

101

105

110

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

một trăm mười

một trăm linh năm

một trăm linh một

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

hai trăm linh hai

hai trăm

một trăm năm mươi mốt

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

hai trăm linh sáu

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

ba trăm

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

ba trăm ba mươi

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

bốn trăm linh bốn

năm trăm linh năm

năm trăm

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

năm trăm linh chín

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

tigru

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

sáu trăm

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

sáu trăm mười sáu

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

bảy trăm linh hai

tám trăm linh ba

tám trăm

bảy trăm bảy mươi

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

tám trăm linh tám

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

chín trăm

con hổ

chín trăm chín mươi

chín trăm bốn mươi chín

șoarece

șobolan

iepure

leu

măgar

elefant

pasăre

cocoș

porumbel

gâscă

insectă

gândac

țânțar

muscă

furnică

balenă

rechin

delfin

melc

broască

deseori

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

imediat

deodată

deși

gimnastică

tenis

alergare

ciclism

golf

patinaj

fotbal

baschet

înot

scufundare

drumeție

Regatul Unit

Spania

Elveția

Italia

Franța

Germania

Thailanda

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapore

Rusia

Japonia

Israel

India

China

Statele Unite ale Americii

Mexic

Canada

Chile

Brazilia

Argentina

Africa de Sud

Nigeria

Maroc

Libia

Kenya

Algeria

Egipt

Noua Zeelandă

Australia

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

Africa

Europa

Asia

America

un sfert de oră

jumătate de oră

trei sferturi de oră

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

unu dimineața

două după-amiaza

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

hai giờ năm phút

một giờ

bốn mươi lăm phút

năm giờ hai mươi

bốn giờ mười lăm

ba giờ mười phút

tám giờ ba mươi lăm

bảy giờ rưỡi

sáu giờ hai mươi năm

mười hai giờ kém mười

mười một giờ kém mười năm

mười giờ kém hai mươi

hai giờ chiều

một giờ sáng

một giờ kém năm

săptămâna trecută

săptămâna aceasta

săptămâna viitoare

anul trecut

anul acesta

anul viitor

luna trecută

luna aceasta

luna viitoare

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

frunte

rid

bărbie

obraz

barbă

gene

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

sprânceană

talie

ceafă

piept

deget mare

deget mic

deget inelar

deget mijlociu

deget arătător

încheietura mâinii

unghie

călcâi

coloană vertebrală

mușchi

os
corp

schelet

coastă
corp

vertebră

vezică

venă

arteră

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàn quang

vagin

spermă

penis

testicul

zemos

picant

sărat

crud

fiert

timid

lacom

sever

surd

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc